

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN  
GAS ĐÔ THỊ**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2009**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 18



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas Đô thị (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Thành Đôn	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 2/12/2009)
Ông Trần Trọng Hữu	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 2/12/2009)
Ông Nguyễn Y Linh	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 25/12/2009)
Ông Trần Nguyên Bình	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 25/12/2009)
Ông Lê Quốc Việt	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 26/10/2009, miễn nhiệm ngày 2/12/2009)
Ông Nguyễn Văn Long	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 26/10/2009)
Ông Trịnh An Huy	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 2/12/2009)
Ông Văn Tuấn Anh	Ủy viên
Ông Vũ Văn Dũng	Ủy viên

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Văn Tuấn Anh	Tổng Giám đốc
Ông Bùi Xuân Năng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Tuynh	Phó Tổng Giám đốc

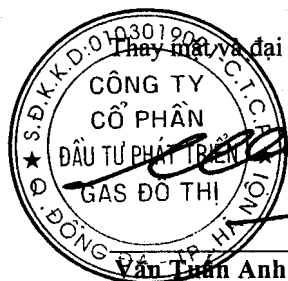
### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.



**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2010

Số: 152/Deloitte-AUDHN-RE

## BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Kính gửi: **Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas Đô thị**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas Đô thị (gọi tắt là "Công ty") cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 2, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

### Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

### Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.



**Thần Thị Thanh Hải**  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0039/KTV

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2010

**Lê Toàn Thắng**  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0771/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

**MẪU B 01-DN**  
Đơn vị: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2009</b>	<b>31/12/2008</b>
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>245.259.674.568</b>	<b>132.577.879.861</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>66.755.736.217</b>	<b>8.393.326.581</b>
1. Tiền	111		2.002.799.932	1.893.326.581
2. Các khoản tương đương tiền	112		64.752.936.285	6.500.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>95.757.000.000</b>	<b>102.000.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	95.757.000.000	102.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>60.224.868.692</b>	<b>9.522.894.617</b>
1. Phải thu khách hàng	131	7	55.447.158.723	1.238.197.097
2. Trả trước cho người bán	132		233.163.757	813.104.137
3. Các khoản phải thu khác	135	8	4.544.546.212	7.471.593.383
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>19.964.920.394</b>	<b>10.016.128.537</b>
1. Hàng tồn kho	141		19.964.920.394	10.016.128.537
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.557.149.265</b>	<b>2.645.530.126</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		288.495.694	275.413.219
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.014.382.378	942.777.200
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	10	254.271.193	1.427.339.707
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+260)</b>	<b>200</b>		<b>4.446.519.143</b>	<b>2.743.041.036</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>3.423.708.167</b>	<b>2.019.494.700</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	1.546.604.209	1.783.384.229
- Nguyên giá	222		2.319.744.778	2.118.397.685
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(773.140.569)	(335.013.456)
2. Tài sản cố định vô hình	227		128.051.011	110.605.412
- Nguyên giá	228		202.461.818	145.280.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(74.410.807)	(34.674.588)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	12	1.749.052.947	125.505.059
<b>II. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.022.810.976</b>	<b>723.546.336</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	603.104.134	523.255.288
2. Tài sản dài hạn khác	268		419.706.842	200.291.048
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>249.706.193.711</b>	<b>135.320.920.897</b>

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 18 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	31/12/2008
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>89.944.358.347</b>	<b>15.788.601.312</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>89.866.522.024</b>	<b>15.765.519.471</b>
1. Phải trả người bán	312	14	81.748.377.561	3.372.013.940
2. Người mua trả tiền trước	313		2.937.526.511	10.252.192.067
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	2.008.365.737	584.019.697
4. Phải trả người lao động	315		885.349.606	237.248.454
5. Chi phí phải trả	316		41.983.311	1.074.643.734
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		1.487.970.464	245.401.579
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		756.948.834	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>77.836.323</b>	<b>23.081.841</b>
1. Phải trả dài hạn khác	333		20.790.000	-
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		57.046.323	23.081.841
<b>B - NGUỒN VỐN (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>		<b>159.761.835.364</b>	<b>119.532.319.585</b>
<b>I. Vốn góp của cổ đông</b>	<b>410</b>	<b>16</b>	<b>159.740.215.779</b>	<b>119.532.319.585</b>
1. Vốn điều lệ	411		150.000.000.000	116.000.000.000
2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		46.263.718	-
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		9.693.952.061	3.532.319.585
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>21.619.585</b>	<b>-</b>
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		21.619.585	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>249.706.193.711</b>	<b>135.320.920.897</b>



Văn Tuấn Anh  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2010

Nguyễn Thị Thu Trang  
Kế toán trưởng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU B 02-DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		139.232.110.834	5.266.474.856
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		7.203.202	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	17	139.224.907.632	5.266.474.856
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	18	131.090.116.513	5.059.254.919
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		8.134.791.119	207.219.937
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	16.503.169.107	11.793.811.279
7. Chi phí tài chính	22		146.743.589	1.373
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		146.743.589	1.373
8. Chi phí bán hàng	24		467.690.323	44.087.218
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	20	12.131.801.113	6.186.931.746
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		11.891.725.201	5.770.010.879
11. Thu nhập khác	31		42.989.519	27.334.447
12. Chi phí khác	32		1.254	1.366.722
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		42.988.265	25.967.725
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		11.934.713.466	5.795.978.604
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	21	2.088.574.853	1.128.190.212
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế (60 = 50 - 51 - 52)	60		9.846.138.613	4.667.788.392
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	22	664	451



Văn Tuấn Anh  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2010

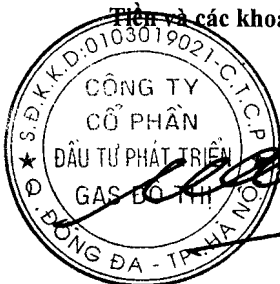
Nguyễn Thị Thu Trang  
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 18 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU B 03-DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2009	Năm 2008
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	92.024.099.660	14.825.057.455
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(80.400.235.797)	(16.898.163.046)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(6.117.058.387)	(2.209.150.711)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(117.578.827)	-
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(652.984.811)	(609.377.801)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	2.993.401.689	970.510.805
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(4.881.669.931)	(1.619.782.961)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>2.847.973.596</b>	<b>(5.540.906.259)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(998.905.974)	(1.457.071.734)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(86.757.000.000)	(232.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	93.000.000.000	148.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	19.355.388.096	4.410.670.727
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>24.599.482.122</b>	<b>(81.046.401.007)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	34.000.000.000	87.866.600.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	7.797.372.930	-
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(7.797.372.930)	-
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.132.000.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>30.868.000.000</b>	<b>87.866.600.000</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>58.315.455.718</b>	<b>1.279.292.734</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>8.393.326.581</b>	<b>7.111.852.601</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	46.953.918	2.181.246
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>66.755.736.217</b>	<b>8.393.326.581</b>



Văn Tuấn Anh  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2010

Nguyễn Thị Thu Trang  
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 18 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHAI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas Đô thị hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103019021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 10/8/2007, thay đổi lần 5 ngày 20/11/2009.

Vốn điều lệ của Công ty là 150 tỷ đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2009 là 76 người (31/12/2008 là: 63 người).

Công ty có Chi nhánh tại Hồ Chí Minh, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 4113029854 đăng ký lần đầu ngày 12/10/2007, thay đổi lần 1 ngày 08/7/2008, thay đổi lần 2 ngày 18/2/2009.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Tư vấn, thiết kế, đầu tư, chuyển giao công nghệ, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt máy thiết bị và các dịch vụ khác phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh gas;
- Tư vấn, lập dự án đầu tư, lắp đặt và vận hành hệ thống, thiết bị công nghệ phục vụ cung cấp, sản xuất khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG), khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG), khí thiên nhiên nén (CNG), khí thiên nhiên tổng hợp (SNG), khí Dymethyl ête (DME);
- Kinh doanh và vận chuyển qua mạng đường ống, xe bồn chuyên dụng, tàu hỏa chuyên dụng và các loại khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG), khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG), khí thiên nhiên nén (CNG), khí thiên nhiên tổng hợp (SNG), khí Dymethyl ête (DME); vận chuyển bình khí bằng xe tải;
- Kinh doanh vật tư, thiết bị, hóa chất, phụ kiện ngành khí; kinh doanh máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, máy xây dựng; kinh doanh nguyên vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng;
- Xây dựng kho bãi, trạm chiết nạp phục vụ cho hoạt động kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG), khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG), khí thiên nhiên nén (CNG), khí thiên nhiên tổng hợp (SNG), khí Dymethyl ête (DME);
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp; chuyển giao công nghệ, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt máy móc, thiết bị phục vụ cho sản xuất kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG), khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG), khí thiên nhiên nén (CNG), khí thiên nhiên tổng hợp (SNG), khí Dymethyl ête (DME);
- Môi giới thương mại;
- Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa;
- Thiết kế xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp;
- Đào tạo lao động phục vụ ngành khí (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản: môi giới, định giá, tư vấn, đấu giá, quảng cáo, quản lý bất động sản (không bao gồm hoạt động môi giới giá đất);
- Giám sát thi công, xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng và công nghiệp;
- Thiết kế lắp đặt thiết bị, công nghệ hệ thống thi công khí gas công trình xây dựng;
- Thi công, lắp đặt, đầu tư và vận hành hệ thống thiết bị cung cấp LPG cho khu đô thị, khu công nghiệp;
- Dịch vụ tư vấn, thi công, lắp đặt, cung cấp thiết bị hệ thống điều hòa không khí, điện, nước, thang máy, trang trí nội ngoại thất, thiết bị phòng cháy, chữa cháy;
- Kinh doanh thiết bị chuyển đổi từ nhiên liệu xăng, diesel sang LPG, CNG, LNG.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. ÁP DỤNG CÁC CHUẨN MỰC VÀ HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

Ngày 15 tháng 10 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 201/2009/TT-BTC hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư số 201/2009/TT-BTC quy định việc ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối niên độ kế toán có sự khác biệt so với chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC, việc xử lý chênh lệch tỷ giá được thực hiện như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại thời điểm ngày kết thúc niên độ không được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn góp của cổ đông trên bảng cân đối kế toán.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Trong trường hợp Công ty bị lỗ, Công ty có thể phân bổ một phần khoản lỗ chênh lệch tỷ giá trong vòng 5 năm tiếp theo sau khi đã trừ đi phần chênh lệch tỷ giá phát sinh tương ứng với phần nợ dài hạn đến hạn trả.

Việc áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC làm cho lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 sẽ tăng 46.263.718 VND và khoản mục “chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong mục vốn góp của cổ đông trên bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 31/12/2009 sẽ giảm một khoản tương ứng so với việc áp dụng theo VAS10. Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn theo VAS 10 sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Theo đánh giá của Công ty, tại thời điểm 31/12/2009, Công ty không có vật tư, hàng hóa tồn kho do lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất nên Công ty không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm 2009</u>
	<u>Số năm</u>
Máy móc thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10
Tài sản cố định khác	3 - 6

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng hóa và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo 2 trường hợp sau:

- (a) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch. Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày lập báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)**

- (b) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại thời điểm ngày kết thúc niên độ được ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn góp của cổ đông trên bảng cân đối kế toán.

Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập doanh nghiệp của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn góp của cổ đông.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần. Thuế thu nhập hoãn lại phát sinh không trọng yếu tại ngày 31/12/2009.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>31/12/2009</u>	<u>31/12/2008</u>
	VND	VND
Tiền mặt	158.540.809	168.463.111
Tiền gửi ngân hàng	1.844.259.123	1.724.863.470
Các khoản tương đương tiền	64.752.936.285	6.500.000.000
	<u>66.755.736.217</u>	<u>8.393.326.581</u>

**6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN**

Các khoản đầu tư ngắn hạn là các khoản tiền gửi tiết kiệm và ủy thác đầu tư trong thời gian dưới 12 tháng với lãi suất cố định.

	<u>31/12/2009</u>	<u>31/12/2008</u>
	VND	VND
Tiền gửi tiết kiệm dưới 12 tháng tại NH Ngoại thương	28.257.000.000	46.000.000.000
Tiền gửi tiết kiệm dưới 12 tháng tại NH Dầu Khí Toàn Cầu	11.500.000.000	-
Tiền gửi tiết kiệm dưới 12 tháng tại NH Đại Dương	11.500.000.000	-
Ủy thác đầu tư dưới 12 tháng tại Công ty Đầu tư Tài chính Dầu khí	-	20.000.000.000
Ủy thác đầu tư và tiền gửi tiết kiệm dưới 12 tháng tại Ngân hàng NN&PT Nông thôn	7.000.000.000	21.000.000.000
Ủy thác đầu tư dưới 12 tháng tại Công ty CP Đầu tư tài chính công đoàn dầu khí	25.000.000.000	15.000.000.000
Ủy thác đầu tư dưới 12 tháng tại Công ty CP Đầu tư tài chính công đoàn dầu khí - chi nhánh Hồ Chí Minh	12.500.000.000	-
	<u>95.757.000.000</u>	<u>102.000.000.000</u>

Công ty đã cầm cố các khoản tiền gửi tại Ngân hàng Ngoại thương có giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 11.100.000.000 VND để đảm bảo cho các khoản bảo lãnh thanh toán.

**7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	<u>31/12/2009</u>	<u>31/12/2008</u>
	VND	VND
Công ty TNHH SX & LR ô tô du lịch Trường Hải - KIA	1.317.647.042	-
Ban quản lý Dự án khí điện đạm Cà Mau	3.740.560.614	-
Công ty CP Vận tải dầu khí Đông dương	7.208.851	622.535.767
Công ty cổ phần Đồng Tâm Miền Trung	5.958.808.866	-
Công ty TNHH Dầu Khí Gia Định	1.666.345.400	-
Công ty TNHH Thương mại Mỹ Đức	1.547.801.736	-
Công ty TNHH MTV dầu khí Phương Bắc Vinashin	12.007.796.300	-
Công ty TNHH Khí Đốt Thăng Long	9.578.100.080	-
Công ty TNHH Việt Phương	1.266.414.613	-
Công ty TNHH TM DV Khí Đốt Nam Việt	1.274.464.390	-
Công ty TNHH TM & DV Thanh Bình Rạng Đông	12.053.136.357	-
Công ty Cổ phần Dầu khí Thái Bình Dương	1.828.489.370	-
Các đối tượng khác	3.200.385.104	615.661.330
	<u>55.447.158.723</u>	<u>1.238.197.097</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	<u>31/12/2009</u>	<u>31/12/2008</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi phải thu	4.516.088.261	7.467.598.611
Các khoản phải thu khác	28.457.951	3.994.772
	<u>4.544.546.212</u>	<u>7.471.593.383</u>

**9. HÀNG TỒN KHO**

	<u>31/12/2009</u>	<u>31/12/2008</u>
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	10.575.648.118	64.398.035
Nguyên liệu, vật liệu	3.578.970.259	5.996.643.497
Công cụ, dụng cụ	25.002.874	9.927.160
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.581.703.364	3.741.086.750
Hàng hoá	4.203.595.779	204.073.095
	<u>19.964.920.394</u>	<u>10.016.128.537</u>

**10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2009</u>	<u>31/12/2008</u>
	VND	VND
Ký quỹ mở LC	-	996.559.467
Tạm ứng cho nhân viên	239.462.031	430.661.227
Tài sản thiếu chờ xử lý	14.809.162	119.013
	<u>254.271.193</u>	<u>1.427.339.707</u>

**11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	<u>Máy móc, thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải</u>	<u>Thiết bị quản lý</u>	<u>Tài sản cố định khác</u>	<u>Cộng</u>
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 1/1/2009	438.974.904	1.494.762.818	125.159.963	59.500.000	2.118.397.685
Mua trong năm	34.602.284	-	109.323.809	-	143.926.093
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	57.421.000	57.421.000
Tại ngày 31/12/2009	<u>473.577.188</u>	<u>1.494.762.818</u>	<u>234.483.772</u>	<u>116.921.000</u>	<u>2.319.744.778</u>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 1/1/2009	26.230.720	222.721.251	77.384.402	8.677.083	335.013.456
Trích khấu hao	40.750.400	250.097.393	129.501.369	17.777.951	438.127.113
Tại ngày 31/12/2009	<u>66.981.120</u>	<u>472.818.644</u>	<u>206.885.771</u>	<u>26.455.034</u>	<u>773.140.569</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 31/12/2009	<u>406.596.068</u>	<u>1.021.944.174</u>	<u>27.598.001</u>	<u>90.465.966</u>	<u>1.546.604.209</u>
Tại ngày 31/12/2008	<u>412.744.184</u>	<u>1.272.041.567</u>	<u>47.775.561</u>	<u>50.822.917</u>	<u>1.783.384.229</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Tại ngày 1 tháng 1	125.505.059	-
Tăng	1.680.968.888	125.505.059
Kết chuyển sang tài sản cố định	57.421.000	-
<b>Tại ngày 31 tháng 12</b>	<b>1.749.052.947</b>	<b>125.505.059</b>

**13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Tại ngày 1 tháng 1	523.255.288	520.346.038
Tăng	486.272.856	237.584.288
Phân bổ vào chi phí trong năm	406.424.010	234.675.038
<b>Tại ngày 31 tháng 12</b>	<b>603.104.134</b>	<b>523.255.288</b>

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Công ty kinh doanh sản phẩm khí	69.849.326.570	-
Chi nhánh CTCP KD Khí hóa lỏng MN tại Nha Trang	10.874.567.002	-
Công ty CP Kinh doanh Khí hoá lỏng Miền Bắc	-	2.331.285.764
Các đối tượng khác	1.024.483.989	1.040.728.176
<b>Tổng cộng</b>	<b>81.748.377.561</b>	<b>3.372.013.940</b>

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Thuế GTGT	25.841.043	22.324.459
Thuế xuất nhập khẩu	-	8.865.812
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.954.402.453	518.812.411
Thuế thu nhập cá nhân	28.122.241	34.017.015
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.008.365.737</b>	<b>584.019.697</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**16. VỐN GÓP CỦA CỔ ĐỒNG**

**Thay đổi trong vốn góp của cổ đông**

	Vốn điều lệ VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 1/1/2008</b>	<b>28.133.400.000</b>	<b>(1.012.468.807)</b>	<b>-</b>	<b>27.120.931.193</b>
<b>Tăng trong năm</b>				
Góp vốn	87.866.600.000	-	-	87.866.600.000
Lãi trong năm	-	4.667.788.392	-	4.667.788.392
<b>Giảm trong năm</b>				
Thù lao Hội đồng quản trị	-	123.000.000	-	123.000.000
<b>Tại ngày 1/1/2009</b>	<b>116.000.000.000</b>	<b>3.532.319.585</b>	<b>-</b>	<b>119.532.319.585</b>
<b>Tăng trong năm</b>				
Góp vốn	34.000.000.000	-	-	34.000.000.000
Lãi trong năm	-	9.846.138.613	46.263.718	9.892.402.331
<b>Giảm trong năm</b>				
Phân phối lợi nhuận	-	3.532.319.585	-	3.532.319.585
Thù lao Hội đồng quản trị	-	140.000.000	-	140.000.000
Các khoản giảm khác	-	12.186.552	-	12.186.552
<b>Tại ngày 31/12/2009</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>9.693.952.061</b>	<b>46.263.718</b>	<b>159.740.215.779</b>

Tại ngày 13 tháng 4 năm 2009, Hội đồng cổ đông Công ty công bố chia một phần lợi nhuận chưa phân phối của Công ty với số tiền là 3.132.000.000 VND và trích quỹ khen thưởng phúc lợi 400.319.585 VND. Trong năm, số lợi nhuận trên đã được thanh toán cho các cổ đông của Công ty.

**Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty là 150.000.000.000 VND. Tại ngày 31/12/2009, vốn điều lệ của Công ty đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	31/12/2009		31/12/2008	
	Số CP	Số tiền (VND)	Số CP	Số tiền (VND)
Công ty CP Kinh doanh Khí hoá lỏng Miền Bắc	-	-	2.550.000	25.500.000.000
Tổng Công ty Bảo hiểm Dầu Khí	2.700.000	27.000.000.000	1.200.000	12.000.000.000
Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội	218.100	2.181.000.000	750.000	7.500.000.000
Tổng Công ty cổ phần Tài chính Dầu Khí	-	-	1.500.000	15.000.000.000
Tổng Công ty xuất nhập khẩu xây dựng (Vinaconex)	750.000	7.500.000.000	750.000	7.500.000.000
Công ty CP ĐTPT Đô thị và KCN Sông Đà	750.000	7.500.000.000	750.000	7.500.000.000
Tổng Công ty Khí Việt Nam	6.700.000	67.000.000.000	750.000	7.500.000.000
Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu Khí	212.000	2.120.000.000	500.000	5.000.000.000
Công ty CP tư vấn và CGCN Sông Hồng	-	-	300.000	3.000.000.000
Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu Khí	600.000	6.000.000.000	600.000	6.000.000.000
Công ty CP Đầu tư Tài chính Bảo hiểm Dầu Khí	750.000	7.500.000.000	750.000	7.500.000.000
Trịnh Hoàng Nam	100.000	1.000.000.000	-	-
Các cổ đông phổ thông khác	2.219.900	22.199.000.000	1.200.000	12.000.000.000
	<b>15.000.000</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>11.600.000</b>	<b>116.000.000.000</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**17. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng hóa	118.908.220.292	4.290.544.330
Doanh thu thuần hợp đồng xây dựng	19.609.261.743	975.930.526
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	707.425.597	-
	<b>139.224.907.632</b>	<b>5.266.474.856</b>

**18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Giá vốn hàng bán	116.341.662.446	4.116.119.249
Giá vốn hoạt động xây dựng	14.515.095.173	943.135.670
Giá vốn dịch vụ cung cấp	233.358.894	-
	<b>131.090.116.513</b>	<b>5.059.254.919</b>

**19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	16.400.632.297	11.787.652.867
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	102.536.810	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	6.158.412
	<b>16.503.169.107</b>	<b>11.793.811.279</b>

**20. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	6.018.681.989	2.435.317.516
Chi phí vật liệu quản lý	114.979.976	69.730.404
Chi phí đồ dùng văn phòng	530.161.846	300.059.788
Chi phí khấu hao tài sản cố định	455.686.543	318.844.168
Thuế, phí và lệ phí	20.240.300	13.282.028
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.116.556.116	2.635.516.010
Chi phí bằng tiền khác	875.494.343	414.181.832
	<b>12.131.801.113</b>	<b>6.186.931.746</b>

**21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	11.934.713.466	5.795.978.604
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	(6.158.412)
Trừ: Lỗi các năm trước mang sang	-	(966.468.807)
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>11.934.713.466</b>	<b>4.823.351.385</b>
Thuế suất	25%	28%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.983.678.367	1.350.538.388
Thuế được giảm (*)	(895.103.514)	(222.348.176)
<b>Tổng thuế thu nhập hiện hành</b>	<b>2.088.574.853</b>	<b>1.128.190.212</b>

(\*) Công ty được giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp của năm 2009 và quý IV năm 2008, theo Thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13/1/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc giảm thuế cho doanh nghiệp vừa và nhỏ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**22. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	9.846.138.613	4.667.788.392
Trừ: Thù lao Hội đồng quản trị	(140.000.000)	(123.000.000)
Trừ: Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	(6.158.412)
<b>Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>9.706.138.613</b>	<b>4.538.629.980</b>
Cổ phiếu bình quân đang lưu hành trong năm	14.626.374	10.057.607
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>664</b>	<b>451</b>

**23. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
<b>Mua hàng</b>		
Công ty CP KD khí hoá lỏng miền bắc	10.031.492.413	3.446.274.561
Công ty CP KD Khí hoá lỏng miền Nam	2.429.974.958	-
Công ty CP Vận tải dầu khí Đông dương	1.035.726.588	-
CN CTCP KD Khí hóa lỏng MN tại Nha Trang	17.407.378.260	-
Công ty kinh doanh sản phẩm khí	107.928.592.758	-
Công ty TNHH MTV KD Khí hoá lỏng Hà Nội	63.590.300	-
Công ty TNHH MTV KD Khí hoá lỏng Miền Trung	25.102.800	-
Công ty CP Phát triển Đô Thị Dầu Khí (PVC-CM)	744.032.000	-
Công ty CP ĐTTC công đoàn Dầu khí Việt Nam	6.264.000	-
<b>Bán hàng</b>		
Ban QLDA khí điện đạm Cà Mau	568.378.853	-
Công ty CP Vận tải dầu khí Đông dương	155.023.625	-
Ban quản lý dự án Nhà máy lọc dầu Dung Quất	6.699.256.303	-
Ban quản lý đầu tư xây dựng - PVFCCo	7.576.003.537	-
Công ty CP du lịch dầu khí Phương Đông	221.374.530	-
<b>Góp vốn</b>		
Công ty CP Kinh doanh Khí hoá lỏng Miền Bắc	-	22.200.000.000
Tổng Công ty Bảo hiểm Dầu Khí	-	10.800.000.000
Tổng Công ty cổ phần Tài chính Dầu Khí	-	13.500.000.000
Tổng Công ty xuất nhập khẩu xây dựng (Vinaconex)	-	6.750.000.000
Tổng công ty Khí Việt Nam	34.000.000.000	6.750.000.000
Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu Khí	-	3.800.000.000
Công ty CP tư vấn và CGCN Sông Hồng	-	1.500.000.000
Tổng công ty Xây lắp Dầu Khí	-	6.000.000.000
Công ty CP Đầu tư Tài chính Bảo hiểm Dầu Khí	-	7.500.000.000
Các cổ đông phổ thông khác	-	9.066.600.000
<b>Thu nhập Ban Tổng Giám đốc và thù lao Hội đồng quản trị</b>		
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	712.600.000	372.484.583
Thù lao Hội đồng Quản trị	140.000.000	123.000.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**23. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

**Số dư với các bên liên quan:**

	<u>31/12/2009</u> VND	<u>31/12/2008</u> VND
<b>Lãi từ các khoản đầu tư ngắn hạn</b>		
Tổng Công ty cổ phần Tài chính Dầu Khí	2.273.416.666	1.464.166.667
<b>Phải thu thương mại</b>		
Công ty cổ phần Chứng khoán dầu khí	40.000.000	-
Công ty CP Vận tải dầu khí Đông dương	7.208.851	-
Công ty CP du lịch dầu khí Phương Đông	40.500.000	-
Ban QLDA khí điện đạm Cà Mau	3.740.560.614	-
<b>Phải trả thương mại</b>		
Công ty CP Kinh doanh Khí hoá lỏng Miền Bắc	-	2.541.993.542
Công ty CP KD Khí hoá lỏng miền Nam	40.450.531	-
Công ty CP Vận tải dầu khí Đông dương	50.983.561	-
Công ty cổ phần dầu khí An Pha	11.083.200	-
Chi nhánh CTCP KD Khí hóa lỏng MN tại Nha Trang	10.874.567.002	-
Công ty kinh doanh sản phẩm khí	69.849.326.570	-
<b>Người mua trả tiền trước</b>		
Ban QLDA khí điện đạm Cà Mau	2.072.371.147	-
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		
Công ty cổ phần Đầu tư tài chính công đoàn Dầu Khí	37.500.000.000	15.000.000.000

